

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : VNĐ	
				Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)		100		4.826.439.497.247	4.595.293.741.775
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	VI.01	2.262.757.633.054	1.712.297.012.483
1. Tiền		111		877.757.633.054	696.567.012.483
Trong đó : Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán				876.080.433.173	695.231.794.713
2. Các khoản tương đương tiền		112		1.385.000.000.000	1.015.730.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	VI.02	1.230.997.485.093	1.776.063.689.378
1. Đầu tư ngắn hạn		121		1.293.553.899.245	1.822.166.942.418
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		(62.556.414.152)	(46.103.253.040)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		1.323.585.221.152	1.100.593.798.651
1. Phải thu của khách hàng		131	VI.07	420.145.496.362	499.788.484.016
2. Trả trước cho người bán		132	VI.08	6.659.665.031	3.838.358.019
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		135	VI.07	18.130.668.074	48.511.192
5. Các khoản phải thu khác		138	VI.07	1.031.189.105.425	811.353.953.245
Dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác đầu tư ngắn hạn		139	VI.10	(152.539.713.740)	(214.435.507.821)
IV. Hàng tồn kho		140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		9.099.157.948	6.339.241.263
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		6.085.942.687	4.428.098.616
2. Thuế GTGT được khấu trừ		152	VI.07	58.891.766	119.318.128
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại TP chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158		2.954.323.495	1.791.824.519

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		3.180.730.880.040	3.069.822.261.481
I Các khoản phải thu dài hạn	210		1.171.707.786.066	1.093.397.637.136
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	VI.09	1.274.295.249.739	1.193.537.915.322
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác đầu tư dài hạn	219	VI.10	(102.587.463.673)	(100.140.278.186)
II. Tài sản cố định	220		137.634.172.696	144.913.865.985
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.04	21.095.212.865	23.984.681.097
Nguyên giá	222		77.703.155.457	94.222.251.509
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.607.942.592)	(70.237.570.412)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.05	116.538.959.831	120.929.184.888
Nguyên giá	228		156.122.984.331	155.665.147.084
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(39.584.024.500)	(34.735.962.196)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.792.983.991.446	1.748.820.906.284
1. Đầu tư vào công ty con	251	VI.02	342.000.000.000	342.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.02	-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	VI.02	1.051.552.943.522	1.021.342.587.931
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		1.051.552.943.522	1.021.342.587.931
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.02	548.616.990.000	548.616.990.000
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259	VI.02	(149.185.942.076)	(163.138.671.647)
V. Tài sản dài hạn khác	260		78.404.929.832	82.689.852.076
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.03	1.975.025.260	8.861.760.393
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.16	52.789.729.566	52.687.916.677
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	VI.06	17.482.911.796	14.982.911.796
4. Tài sản dài hạn khác	268		6.157.263.210	6.157.263.210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		8.007.170.377.287	7.665.116.003.256

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)		300		3.131.120.629.919	2.676.923.165.630
I. Nợ ngắn hạn		310		3.131.120.629.919	2.676.923.165.630
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	VI.17	74.841.302.311	357.728.021.077
2. Phải trả người bán		312		164.637.466	9.234.113.425
3. Người mua trả tiền trước		313	VI.12	120.416.845.307	99.049.773.750
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	VI.14	13.520.240.927	18.442.549.211
5. Phải trả người lao động		315		18.887.140	53.077.997
6. Chi phí phải trả		316	VI.11	17.427.645.631	10.057.038.337
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	VI.13	1.958.460.473.276	1.191.022.103.916
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		320	VI.18	846.191.391.286	910.301.627.487
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		321		8.322.960.662	4.474.923.850
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		322		605.427.160	605.427.160
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi		323		90.409.940.876	75.065.576.088
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		328		740.877.877	888.933.332
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn		329		-	-
II. Nợ dài hạn		330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		4.876.049.747.368	4.988.192.837.626
I. Vốn chủ sở hữu		410	VI.15	4.876.049.747.368	4.988.192.837.626
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		3.537.949.420.000	3.526.117.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		344.944.356.378	340.921.476.378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		(89.246.317.760)	(89.246.186.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		335.813.119.252	289.383.181.436
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		746.589.169.498	921.016.945.812
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)		440		8.007.170.377.287	7.665.116.003.256

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư nhận giữ hộ	002		-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý	003		-	-
4. Ngoại tệ các loại	004		-	-
5. Nguồn vốn khấu hao	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		12.911.326.570.000	13.269.603.970.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		11.614.585.150.000	11.763.352.280.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		191.220.550.000	547.882.530.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		9.793.690.660.000	9.578.229.100.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1.629.673.940.000	1.637.240.650.000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		147.560.090.000	179.044.560.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	300.000.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		147.015.090.000	173.199.560.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		545.000.000	5.545.000.000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017		730.953.550.000	646.344.340.000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		-	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		730.953.550.000	646.344.340.000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		-	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		-	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		-	-
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		320.021.440.000	169.698.350.000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		6.944.100.000	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		302.675.140.000	164.999.950.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		10.402.200.000	4.698.400.000
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	031		-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033		-	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		-	-
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		-	-
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	036		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037		98.206.340.000	511.164.440.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		93.929.530.000	506.797.630.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		4.276.810.000	4.366.810.000
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.8.1 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		-	-
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		-	-
6.8.3 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		-	-
6.8.4 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay giao dịch của tổ chức khác	046		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		805.149.830.000	839.705.300.000
Trong đó:				
7.1 Chứng khoán giao dịch	051		708.546.390.000	794.415.700.000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		7.219.270.000	7.221.730.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		666.099.720.000	759.298.770.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		35.227.400.000	27.895.200.000
7.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		-	-
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		61.943.000.000	7.995.000.000
7.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		1.000.000.000	1.000.000.000
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		59.943.000.000	6.995.000.000
7.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059		1.000.000.000	-
7.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		-	-
7.3 Chứng khoán cầm cố	061		32.580.440.000	32.580.440.000
7.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		-	-
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		32.580.440.000	32.580.440.000
7.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064		-	-
7.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065		-	-
7.4 Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067		-	-
7.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068		-	-
7.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069		-	-
7.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070		-	-
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	071		2.080.000.000	4.714.160.000
7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072		-	-
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		2.080.000.000	4.714.160.000
7.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074		-	-
7.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	075		-	-
7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
7.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077		-	-
7.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078		-	-
7.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079		-	-
7.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	080		-	-
7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		-	-
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		-	-

Người Lập Biểu


Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng


Hoàng Thị Minh Thủy



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2013

Tổng Giám Đốc


Nguyễn Hồng Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	QUÝ 3		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1	Doanh thu	01	181.890.931.927	193.337.737.331	554.589.967.507	610.957.354.182
	Trong đó:					
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	27.802.880.600	21.956.345.791	97.416.391.278	87.217.390.696
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	54.923.899.635	82.550.755.485	168.131.209.793	236.011.497.581
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng	01.3	-	-	-	-
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4	68.182	24.000.000	4.580.621	29.061.000
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	5.774.427.656	5.973.586.195	13.511.646.804	21.667.574.049
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	1.283.765.919	1.261.327.744	4.048.625.610	3.741.820.070
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7	-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8	180.547.557	116.373.806	538.704.716	676.355.203
	Doanh thu khác	01.9	91.925.342.378	81.455.348.310	270.938.808.685	261.613.655.583
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	181.890.931.927	193.337.737.331	554.589.967.507	610.957.354.182
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	135.217.966.126	175.322.582.884	286.634.484.584	243.814.858.807
	Trong đó:					
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.1	102.263.794.094	91.632.030.354	343.582.661.637	370.143.890.319
	Chi phí dự phòng chứng khoán	11.2	32.954.172.032	83.690.552.530	(56.948.177.053)	(126.329.031.512)
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20	46.672.965.801	18.015.154.447	267.955.482.923	367.142.495.375
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2.595.477.389	2.289.815.250	8.258.755.964	7.238.006.784
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30	44.077.488.412	15.725.339.197	259.696.726.959	359.904.488.591
8	Thu nhập khác	31	18.819.481.405	2.353.301	51.742.784.545	4.905.386.516
9	Chi phí khác	32	6.114.049	6	72.287.360	657.594.670
10	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	18.813.367.356	2.353.295	51.670.497.185	4.247.791.846
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	62.890.855.768	15.727.692.492	311.367.224.144	364.152.280.437
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	10.281.069.499	-	59.151.471.537	71.917.336.362
13	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.844.905	-	(101.812.889)	(54.776.207.932)
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	52.603.941.364	15.727.692.492	252.317.565.496	347.011.152.007
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	-	-	-	-

Người Lập Biểu

Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2013

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2013

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Năm	
			Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	311.367.224.144	364.152.280.437
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	12.525.018.787	18.834.886.628
-	Các khoản lập dự phòng	03	(56.948.177.053)	(126.329.031.512)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
-	Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05	(63.840.891.903)	(44.271.198.529)
-	Chi phí lãi vay	06	2.679.885.159	1.579.831.055
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	205.783.059.134	213.966.768.079
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(247.678.763.125)	(294.999.514.226)
-	Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10	505.781.680.437	(1.003.724.287.215)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	720.091.827.585	1.427.808.347.339
-	Tăng giảm chi phí trả trước	12	6.688.233.289	9.366.227.483
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(3.160.893.898)	(1.396.833.915)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(58.691.321.390)	(68.914.341.803)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	200.426.722
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(13.535.597.902)	(13.855.633.456)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.115.278.224.130	268.451.159.007
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(8.344.465.470)	(5.501.878.389)
2.	Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.827.272.727	1.665.760.606
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(61.530.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	70.218.106.711	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(76.798.014.080)	(76.886.657.671)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	59.466.327.000	126.152.926.421
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	67.141.556.079	94.149.755.520
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	51.980.782.967	139.579.906.488

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	15.854.880.000	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(131.760)	(654.900.000)
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33	1.592.975.237.053	607.208.530.864
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.875.861.955.819)	(429.251.580.802)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(349.766.416.000)	(85.038.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40	(616.798.386.526)	177.217.011.562
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		50	550.460.620.571	585.248.077.057
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		60	1.712.297.012.483	1.619.838.319.136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		70	2.262.757.633.054	2.205.086.396.193

Người Lập Biểu


Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng


Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2013

P. Tổng Giám Đốc




Nguyễn Hồng Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU - 9 tháng năm 2013	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.526.117.420.000	11.832.000.000	-	3.537.949.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		340.921.476.378	4.022.880.000	-	344.944.356.378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		(89.246.186.000)	(131.760)	-	(89.246.317.760)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		289.383.181.436	46.429.937.816	-	335.813.119.252
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		921.016.945.812	252.317.565.496	426.745.341.810	746.589.169.498
Cộng		4.988.192.837.626	314.602.251.552	426.745.341.810	4.876.049.747.368

CHỈ TIÊU - 9 tháng năm 2012	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.526.117.420.000	-	-	3.526.117.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		340.921.476.378	-	-	340.921.476.378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		(88.591.286.000)	(654.900.000)	-	(89.246.186.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		289.383.181.436	-	-	289.383.181.436
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		815.491.595.383	347.011.152.007	349.747.436.264	812.755.311.126
Cộng		4.883.322.387.197	346.356.252.007	349.747.436.264	4.879.931.202.940

Người Lập Biểu


Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng


Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2013
P. Tổng Giám Đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 03 năm 2013 (chưa hợp nhất) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.
4. **Tổng số nhân viên** : 403
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Giải thích chênh lệch lợi nhuận quý 3/2013 với quý 2/2012: Kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế quý 3/2013 của Công ty lãi 52.603.941.364 đồng, tăng 234% tương ứng 36.876.248.872 đồng so với cùng kỳ quý 3/2012 chủ yếu do chi phí dự phòng của quý 3/2013 giảm nhiều so với Quý 3/2012 với mức giảm 61% tương ứng 50.736.380.498 với sự tác động của thị giá chứng khoán ngày 30.09.2013 tăng so với thị giá chứng khoán tại ngày 30.9.2012

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là năm tài chính thứ 13 của Công ty.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 (thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính) và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt nam ban hành theo:
 - ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
 - ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
 - ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
 - ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này, Công ty không áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận và trình bày các khoản đầu tư vào công ty con và các công ty liên kết được trình bày dưới đây.

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

3. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao

6. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

7. Đầu tư vào chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức bằng tiền và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 09 năm 2013.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2013 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 09 năm 2013.

8. Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các công ty con được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

13. Cổ phiếu ngân quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

14. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận có thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

16. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.
- ▶ Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.
- ▶ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

18. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN QUÍ 3 NĂM 2013****1. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:***Đơn vị tính: VNĐ*

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Ngân hàng đầu tư và khác	Tổng cộng
Quý 3 năm 2013					
1. Doanh thu trực tiếp	44.806.034.399	54.923.899.635	93.862.204.497	5.955.043.395	199.547.181.926
2. Các chi phí trực tiếp	10.136.926.381	38.202.090.429	39.044.940.288	449.910.932	87.833.868.030
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	34.481.216.154	5.703.611.374	3.212.274.185	5.425.356.414	48.822.458.128
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	187.891.864	11.018.197.832	51.604.990.024	79.776.049	62.890.855.768
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013					
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	1.252.035.091.913	3.596.440.904.514	2.938.637.797.034	3.382.024.668	7.790.495.818.129
2. Tài sản bộ phận phân bổ	128.029.699.556	12.858.878.121	2.795.408.287	11.181.633.150	154.865.619.115
3. Tài sản không phân bổ					61.808.940.043
Tổng tài sản	1.380.064.791.469	3.609.299.782.635	2.941.433.205.321	14.563.657.818	8.007.170.377.287
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	858.458.041.880	117.900.518.815	2.033.031.500.628	4.927.829.127	3.014.317.890.450
2. Nợ phải trả bộ phận phân bổ	74.758.850.598	7.508.530.846	1.632.289.314	6.529.157.256	90.428.828.015
3. Nợ phải trả không phân bổ					26.373.911.454
Tổng công nợ	933.216.892.478	125.409.049.661	2.034.663.789.942	11.456.986.383	3.131.120.629.919

2. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý:

Hoạt động của Công ty mẹ chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. Tiền và tương đương tiền (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	141.621.678	112.540.703
Tiền gửi ngân hàng	877.616.011.376	696.454.471.780
<i>Trong đó : Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	876.080.433.173	695.231.794.713
Các khoản tương đương tiền	1.385.000.000.000	1.015.730.000.000
Cộng	2.262.757.633.054	1.712.297.012.483

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Tình hình đầu tư tài chính (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013				
Chứng khoán thương mại	6.120.946	177.553.899.245	(62.556.414.152)	114.997.485.093
Cổ phiếu Niêm yết	2.062.919	71.045.923.061	(4.088.793.699)	66.957.129.362
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	4.058.027	106.507.976.184	(58.467.620.453)	48.040.355.731
Trái phiếu	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.116.000.000.000	-	1.116.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.116.000.000.000	-	1.116.000.000.000
Chứng khoán đầu tư	29.347.829	1.051.552.943.522	(56.078.764.578)	995.474.178.944
Chứng khoán sẵn sàng để bán	29.347.829	1.051.552.943.522	(56.078.764.578)	995.474.178.944
- Cổ phiếu Niêm yết	15.889.425	303.008.222.013	(23.775.511.988)	279.232.710.025
- Cổ phiếu Chưa Niêm yết	7.278.369	93.179.487.167	(32.303.252.590)	60.876.234.577
- Trái phiếu	6.180.035	655.365.234.342	-	655.365.234.342
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-	-	-
Đầu tư tài chính khác	12.673.997	548.616.990.000	(93.107.177.498)	455.509.812.502
Đầu tư dài hạn khác	12.673.997	548.616.990.000	(93.107.177.498)	455.509.812.502
- Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(92.403.000.000)	431.214.000.000
- Công Ty CP XD VL và Đầu Tư Đại Việt	906.998	10.000.000.000	(704.177.498)	9.295.822.502
- Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	1.499.999	14.999.990.000	-	14.999.990.000
Tại ngày 31/12/2012				
Chứng khoán thương mại	4.674.056	124.166.942.418	(46.103.253.040)	78.063.689.378
Cổ phiếu Niêm yết	1.156.294	30.864.387.266	(3.042.400.740)	27.821.986.526
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	3.517.762	93.302.555.152	(43.060.852.300)	50.241.702.852
Trái phiếu	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.698.000.000.000	-	1.698.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.698.000.000.000	-	1.698.000.000.000
Chứng khoán đầu tư	24.055.372	1.021.342.587.931	(69.959.771.647)	951.382.816.284
Chứng khoán sẵn sàng để bán	24.055.372	1.021.342.587.931	(69.959.771.647)	951.382.816.284

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Cổ phiếu Niêm yết	11.095.569	261.537.866.418	(43.246.474.819)	218.291.391.599
- Cổ phiếu Chưa Niêm yết	6.654.768	93.179.487.170	(26.713.296.828)	66.466.190.342
- Trái phiếu	6.305.035	666.625.234.343	-	666.625.234.343
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-	-	-
Đầu tư tài chính khác	12.666.999	548.616.990.000	(93.178.900.000)	455.438.090.000
Đầu tư dài hạn khác	12.666.999	548.616.990.000	(93.178.900.000)	455.438.090.000
- Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(92.403.000.000)	431.214.000.000
- Công Ty CP XD VL và Đầu Tư Đại Việt	900.000	10.000.000.000	(775.900.000)	9.224.100.000
- Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	1.499.999	14.999.990.000	-	14.999.990.000

- Chi tiết dự phòng Đầu tư Chứng khoán ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	3.793.234	90.691.512.451	(62.556.414.152)	28.135.098.299
Chứng khoán thương mại				
Cổ phiếu niêm yết				
SVC	6.749	141.906.216	(43.370.817)	98.535.399
NSP	418.273	4.182.730.000	(3.806.284.300)	376.445.700
VNM	20.007	2.823.043.208	(2.056.208)	2.820.987.000
BHV	6.054	253.765.058	(233.181.458)	20.583.600
DAC	66	3.137.007	(2.859.807)	277.200
VHL	39	1.571.509	(1.041.109)	530.400
Cộng niêm yết	451.188	7.406.152.998	(4.088.793.699)	3.317.359.299
Cổ phiếu chưa niêm yết				
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(1.802.200.000)	197.800.000
CTCP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
CTCP Phân Lân Văn Điển	2.608.912	65.182.927.878	(44.311.631.878)	20.871.296.000
CTCP Dược Viên Đông-DVD	2.866	117.720.575	(107.689.575)	10.031.000
Công ty CP đầu tư Kim Tự Tháp	260.118	4.284.711.000	(1.943.649.000)	2.341.062.000
Cộng chưa niêm yết	3.342.046	83.285.359.453	(58.467.620.453)	24.817.739.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2012				
Chứng khoán thương mại	3.930.524	93.266.485.638	(46.103.253.040)	47.163.232.598
Cổ phiếu niêm yết				
DAC	47.366	2.251.325.570	(1.540.835.570)	710.490.000
NSP	418.273	4.182.730.000	(1.087.509.800)	3.095.220.200
Cổ phiếu khác	18.366	591.586.268	(414.055.370)	177.530.898
Cộng niêm yết	484.005	7.025.641.838	(3.042.400.740)	3.983.241.098
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(1.905.600.000)	94.400.000
Công ty CP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
Công ty CP Phân Lân Văn Điển	2.140.000	53.000.000.000	(35.880.000.000)	17.120.000.000
Công ty CP đầu tư Kim Tự Tháp	190.000	3.268.000.000	(1.558.000.000)	1.710.000.000
Công ty CP Truyền thông VMG	714.000	23.205.000.000	(357.000.000)	22.848.000.000
Cổ phiếu khác	2.869	117.843.800	(107.802.300)	10.041.500
Cộng chưa niêm yết	3.446.519	86.240.843.800	(43.060.852.300)	43.179.991.500

- Chi tiết dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn

Chỉ tiêu	Số lượng (cp)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	9.294.270	158.291.158.962	(56.078.764.578)	102.212.394.384
Chứng khoán sẵn sàng để bán				
Cổ phiếu niêm yết				
LAF	771.086	10.931.954.086	(7.230.741.286)	3.701.212.800
PDN	1.134.734	38.486.638.584	(8.983.554.584)	29.503.084.000
GIL	810.081	26.193.079.118	(7.561.216.118)	18.631.863.000
Cộng niêm yết	2.715.901	75.611.671.788	(23.775.511.988)	51.836.159.800
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
- Cty Cp Địa Ốc An Lạc(*)	3.750.000	37.500.000.000	(5.651.250.000)	31.848.750.000
- Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(13.826.400.000)	1.373.600.000
- Cty CP Việt Tín	629.900	6.654.826.400	(1.602.398.500)	5.052.427.900
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.683.996.316)	8.315.991.684
Cộng chưa niêm yết	6.578.369	82.679.487.174	(32.303.252.590)	50.376.234.584

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2012				
Chứng khoán sẵn sàng để bán	10.343.390	215.290.656.586	(69.959.771.647)	145.330.884.939
Cổ phiếu niêm yết				
HAG	1.670.741	56.935.268.206	(20.847.262.610)	36.088.005.596
PDN	1.134.721	38.486.340.864	(14.203.311.464)	24.283.029.400
GIL	812.076	26.257.616.421	(271.184.421)	25.986.432.000
LAF	771.084	10.931.943.924	(7.924.716.324)	3.007.227.600
Cộng niêm yết	4.388.622	132.611.169.415	(43.246.474.819)	89.364.694.596
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- Cty CP Việt Tín	6.299	6.654.826.397	(1.450.592.600)	5.204.233.797
- Cty Cp Địa Ốc An Lạc	3.750.000	37.500.000.000	(637.500.000)	36.862.500.000
- Công ty CP Kinh Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(13.540.000.000)	1.660.000.000
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.545.996.454)	8.453.991.546
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
Cộng chưa niêm yết	5.954.768	82.679.487.171	(26.713.296.828)	55.966.190.343

(*) Đang hoàn tất thủ tục chuyển nhượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Chi phí trả trước dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tư vấn trả trước	1.254.232.070	6.898.276.376
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	720.793.190	1.963.484.017
Tổng Cộng	1.975.025.260	8.861.760.393

4. Tài sản cố định hữu hình (đơn vị tính: VNĐ)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	2.609.391.520	78.273.378.386	13.168.207.403	171.274.200	94.222.251.509
Tăng trong kỳ	-	386.633.000	5.837.043.400	17.600.000	6.241.276.400
Mua trong kỳ	-	386.633.000	5.837.043.400	17.600.000	6.241.276.400
Giảm trong năm	-	(18.138.268.852)	(4.500.989.400)	(121.114.200)	(22.760.372.452)
Bán thanh lý	-	(239.900.601)	(4.483.694.400)	-	(4.723.595.001)
Phân loại lại	-	(17.898.368.251)	(17.295.000)	(121.114.200)	(18.036.777.451)
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	2.609.391.520	60.521.742.534	14.504.261.403	67.760.000	77.703.155.457
Giá trị hao mòn:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.753.649.765	58.501.766.148	9.914.015.713	68.138.786	70.237.570.412
Tăng trong kỳ	336.951.864	6.336.619.529	947.026.992	18.918.580	7.639.516.965
Khấu hao	336.951.864	6.336.619.529	947.026.992	18.918.580	7.639.516.965
Giảm trong kỳ	-	(16.749.419.867)	(4.460.900.882)	(58.824.036)	(21.269.144.785)
Bán thanh lý	-	(237.940.601)	(4.444.566.725)	-	(4.682.507.326)
Phân loại lại	-	(16.511.479.266)	(16.334.157)	(58.824.036)	(16.586.637.459)
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	2.090.601.629	48.088.965.810	6.400.141.823	28.233.330	56.607.942.592
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	855.741.755	19.771.612.238	3.254.191.690	103.135.414	23.984.681.097
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	518.789.891	12.432.776.724	8.104.119.580	39.526.670	21.095.212.865

(*) Khoản phân loại lại thành công cụ dụng cụ theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc trích khấu hao tài sản cố định

5. Tài sản cố định vô hình (đơn vị tính: VNĐ)

Khoản mục	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	44.337.012.396	109.671.558.000	1.656.576.688	155.665.147.084
Tăng trong kỳ	504.479.000	-	-	504.479.000
Mua mới	504.479.000	-	-	504.479.000
Giảm trong kỳ	(46.641.753)	-	-	(46.641.753)
Phân loại lại	(46.641.753)	-	-	(46.641.753)
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	44.794.849.643	109.671.558.000	1.656.576.688	156.122.984.331
Hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	33.140.566.300	-	1.595.395.896	34.735.962.196
Tăng trong kỳ	4.854.511.150	-	30.990.672	4.885.501.822
Khấu hao	4.854.511.150	-	30.990.672	4.885.501.822
Giảm trong kỳ	(37.439.518)	-	-	(37.439.518)
Phân loại lại	(37.439.518)	-	-	(37.439.518)
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	37.957.637.932	-	1.626.386.568	39.584.024.500
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	11.196.446.096	109.671.558.000	61.180.792	120.929.184.888
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	6.837.211.711	109.671.558.000	30.190.120	116.538.959.831

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (đơn vị tính: VNĐ)**

Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	13.401.458.145
Tiền lãi phân bổ hàng năm	4.081.453.651
Tổng Cộng	17.482.911.796

7. Các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải thu khách hàng	420.145.496.362	499.788.484.016
- Phải thu KH về nghiệp vụ hợp tác đầu tư	-	1.300.000.000
- Phải thu KH về nghiệp vụ ký quỹ	337.373.897.088	185.273.928.623
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	18.598.753.184	203.554.006.741
- Phải thu trái phiếu vinashin	60.000.000.000	60.000.000.000
- Phải thu từ quỹ SSIVF	-	14.593.307.741
- Phải thu phí tư vấn	3.815.324.668	34.703.719.489
- Phải thu khác	357.521.422	363.521.422
2. Phải thu hoạt động giao dịch Chứng khoán	18.130.668.074	48.511.192
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	48.890.074	48.511.192
- Phải thu Sở GD Chứng khoán TP HCM	18.081.778.000	-
3. Thuế GTGT khấu trừ	58.891.766	119.318.128
4. Phải thu khác	1.031.189.105.425	811.353.953.245
- Phải thu tổ chức phát hành – cổ tức, trái tức	38.446.930.522	43.088.096.346
- Phải thu vốn và lãi ủy thác đầu tư ngắn hạn	552.329.347.127	474.168.667.218
- Phải thu lãi hợp đồng tiền gửi	10.637.797.034	19.015.455.188
- Phải thu hợp đồng môi giới trái phiếu – tiền cọc	427.000.000.000	272.100.000.000
- Phải thu lãi sản phẩm tài chính và kinh doanh vốn	-	150.944.442
- Phải thu khác	2.775.030.742	2.830.790.051

8. Ứng trước cho người bán:

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước cho người bán	6.659.665.031	3.838.358.019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Phải thu dài hạn khác:**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu vốn ủy thác đầu tư dài hạn	1.136.453.170.365	1.089.935.425.884
- Phải thu lãi HĐ ủy thác đầu tư dài hạn	137.842.079.374	103.602.489.438
Cộng	1.274.295.249.739	1.193.537.915.322

10. Dự phòng các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng phải thu khó đòi –Trái Phiếu Vinashin	(56.934.246.575)	(56.934.246.575)
- Dự phòng phải thu khó đòi phí tư vấn	(433.300.000)	(433.300.000)
- Dự phòng phải thu quỹ SSIVF	-	(8.817.289.059)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác ngắn hạn	(95.172.167.165)	(148.250.672.187)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác dài hạn	(102.587.463.673)	(100.140.278.186)
Cộng	(255.127.177.413)	(314.575.786.007)

11. Các khoản chi phí phải trả (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả SGDCK & TTLKCK	1.701.154.901	2.160.248.269
Phải trả SSIAM tiền phí quản lý danh mục	1.670.624.758	1.309.625.784
Chi phí lãi hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán, hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả, hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán	8.139.234.089	3.061.382.759
Chi phí đào tạo, hội thảo, tư vấn	600.000.000	425.000.000
Phí kiểm toán	267.015.000	468.630.000
Trích trước 1/2 lương tháng 13	3.478.009.825	-
Chi phí phải trả khác	1.571.607.058	2.632.151.525
Tổng Cộng	17.427.645.631	10.057.038.337

12. Người mua trả tiền trước (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước phí tư vấn của khách hàng	4.186.951.250	4.040.373.750
- Ứng trước tiền mua chứng khoán của khách hàng	116.229.894.057	95.009.400.000
Tổng Cộng	120.416.845.307	99.049.773.750

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Các khoản phải trả, phải nộp khác (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	50.421.302	36.221.838
Phải trả hợp đồng mua bán chứng khoán	335.539.200.000	17.690.685.976
Phải trả HĐ Hợp tác kinh doanh	-	48.914.282.437
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	5.380.282.712	1.065.450.092
Phải trả công ty con	-	1.307.750.000
Phải trả NĐT – khoản nhận ký quỹ ngắn hạn để thực hiện việc môi giới chứng khoán cho khách hàng	1.613.755.721.442	1.114.504.309.449
Các khoản khác	3.734.847.820	7.503.404.124
Tổng Cộng	1.958.460.473.276	1.191.022.103.916

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (đơn vị tính: VNĐ)

Các khoản thuế	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	30.339.240	5.269.593.349
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.281.069.499	9.111.512.048
Thuế Thu nhập cá nhân	1.055.823.200	2.803.348.791
Thuế Thu nhập cá nhân nộp hộ	1.385.682.516	409.429.587
Các loại thuế khác	767.326.472	848.665.436
Cộng	13.520.240.927	18.442.549.211

Bảng ước tính thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành 9 tháng đầu năm 2013: (đơn vị tính: VNĐ)

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	311.367.224.144
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>	
- Các khoản thu nhập cổ tức không chịu thuế	(75.168.589.550)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.12.2012	(177.751.666.705)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 30.09.2013	190.158.918.259
- DP phải thu khó đòi - TP Vinashin	(12.000.000.000)
Tổng lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 25%	236.605.886.148
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp lũy kế đến 30.09.2013	59.151.471.537

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu (đơn vị tính: VNĐ)****15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	3.526.117.420.000	340.921.476.378	(89.246.186.000)	289.383.181.436	921.016.945.812	4.988.192.837.626
Tăng vốn theo QĐ 26/2012/QĐ-CTHĐQT ngày 14/11/2012	11.832.000.000	4.022.880.000	-	-		15.854.880.000
Trích quỹ dự trữ bắt buộc theo nghị quyết 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ(5% LN sau thuế)				23.214.968.908	(23.214.968.908)	-
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo nghị quyết 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ (5% LN sau thuế)				23.214.968.908	(23.214.968.908)	-
Trích quỹ khen thưởng theo nghị quyết 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ(3% LN sau thuế)				-	(13.928.981.345)	(13.928.981.345)
Trích thù lao HĐQT&BKS theo nghị quyết 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ					(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích quỹ phúc lợi theo nghị quyết 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ(2% LN sau thuế)					(9.285.987.563)	(9.285.987.563)
Trích quỹ từ thiện theo nghị quyết 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ(1% LN sau thuế)					(4.642.993.782)	(4.642.993.782)
Cổ tức phải trả cổ đông năm 2012 theo nghị quyết 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ(10% mệnh giá)					(350.748.034.000)	(350.748.034.000)
Điều chỉnh bổ sung chi phí thuế TNDN 2012 theo quyết toán	-	-	-	-	(709.407.304)	(709.407.304)
Lợi nhuận sau thuế đến 30 tháng 9 năm 2013	-	-	-	-	252.317.565.496	252.317.565.496
Mua Cổ phiếu Quỹ	-	-	(131.760)	-	-	(131.760)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	3.537.949.420.000	344.944.356.378	(89.246.317.760)	335.813.119.252	746589169498	4.876.049.747.368

Ngày 28 tháng 01 năm 2013, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 1.183.200 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2011 và Nghị quyết số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2012 của Đại hội đồng Cổ đông. Theo đó, Vốn đầu tư của chủ sở hữu và Thặng dư vốn cổ phần trong kỳ tăng lên tương ứng là 11.832.000.000 đồng và 4.022.880.000 đồng. Công ty đã nhận được Quyết định chấp thuận tăng vốn điều lệ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 01 tháng 3 năm 2013 ghi nhận mức vốn điều lệ mới là 3.537.949.420.000 đồng và đã cập nhật Điều lệ với số vốn mới.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**15.2 Cổ phiếu**

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	353.794.942	352.611.742
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	353.794.942	352.611.742
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	353.794.942	352.611.742
- Cổ phiếu phổ thông	353.794.942	352.611.742
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	(3.046.908)	(3.046.900)
Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ	(3.046.908)	(3.046.900)
- Cổ phiếu phổ thông	(3.046.908)	(3.046.900)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ do công ty con của Công ty nắm giữ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	350.748.034	349.564.842
- Cổ phiếu phổ thông	350.748.034	349.564.842
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Tài sản thuế TNDN hoãn lại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	52.789.729.566	52.687.916.677
Cộng	52.789.729.566	52.687.916.677

17. Vay và Nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay thấu chi BIDV (*)	74.841.302.311	267.728.021.077
Vay ngắn hạn ngân hàng Exim	-	90.000.000.000
Cộng	74.841.302.311	357.728.021.077

(*) Đây là khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam ("BIDV") tỷ lệ lãi suất thực áp dụng cho các khoản vay thấu chi ngân hàng từ 8% đến 10,8%, chi tiết:

Số đầu năm	267.728.021.077
Phát sinh tăng	1.592.975.237.053
Phát sinh giảm	1.785.861.955.819
Số cuối kỳ	74.841.302.311

18. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ):

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	782.951.404.686	672.221.482.487
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	63.239.986.600	238.080.145.000
Cộng	846.191.391.286	910.301.627.487

19. Chi tiết doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 3-2013	Quý 3-2012
Cổ tức	21.743.198.150	32.886.433.900
Trái tức	17.267.517.809	17.422.460.274
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	7.177.020.125	3.868.916.327
Doanh thu tự doanh từ UTDM tại SSIAM	7.966.083.551	27.600.284.984
Doanh thu hoạt động đầu tư khác	770.080.000	772.660.000
Tổng cộng	54.923.899.635	82.550.755.485

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Chi tiết doanh thu khác (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 3-2013	Quý 3-2012
Lãi tiền gửi	75.430.332.527	70.356.188.997
Doanh thu phí ứng trước	1.241.223.623	1.890.084.964
Doanh thu từ nghiệp vụ ký quỹ	14.478.164.257	8.620.705.595
Doanh thu khác	775.621.971	588.368.754
Tổng cộng	91.925.342.378	81.455.348.310

21. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 3-2013	Quý 3-2012
Chi phí môi giới chứng khoán	7.020.891.108	6.420.986.808
Chi phí tự doanh chứng khoán	5.247.918.397	3.704.552.887
Chi phí bảo lãnh	-	-
Chi phí hoạt động tư vấn	-	-
Chi phí dự phòng	32.954.172.032	83.690.552.530
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	38.870.779.371	33.508.529.958
Trả lãi nhà đầu tư	2.328.053.103	3.186.639.416
Trả lãi tiền vay	177.773.913	745.386.611
Chi phí khác	36.364.952.355	29.576.503.931
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	51.124.205.218	47.997.960.701
Chi phí nhân viên	25.813.729.973	23.755.036.299
Chi phí vật liệu, VPP, công cụ	1.303.224.274	564.851.813
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.621.254.830	6.310.572.219
Chi phí thuê văn phòng	6.400.915.596	6.430.420.764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.963.828.324	10.898.595.657
Chi phí khác	2.021.252.221	38.483.949
Tổng cộng	135.217.966.126	175.322.582.884

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 3-2013	Quý 3-2012
Chi phí nhân viên	2.511.856.139	2.206.209.000
Chi phí khấu hao và phân bổ	83.606.250	83.606.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.000	-
Chi phí dự phòng	-	-
Tổng cộng	2.595.477.389	2.289.815.250

23. Thu nhập khác

	Quý 3-2013	Quý 3-2012
Thu nhập khác		
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	909.090.909	
Thu nhập từ lãi phạt thực hiện hợp đồng	17.656.249.999	
Thu nhập khác	254.140.497	2.353.301
	18.819.481.405	2.353.301
Chi phí khác		
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.960.000	
Chi phí khác	4.154.049	6
	6.114.049	6
Lợi nhuận khác	18.813.367.356	2.353.295

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**24. Nghiệp vụ với các bên có liên quan:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quỹ đầu tư thành viên SSI	Công ty con 80% sở hữu
Công ty TNHH Tư Vấn và đầu tư NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty TNHH NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con 100% sở hữu
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	Công ty nhận vốn đầu tư và có Chủ tịch HĐQT là em của Chủ tịch HĐQT SSI
Ngân Hàng ANZ	Cổ đồng chiến lược
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đồng chiến lược
Công ty CP Xuyên Thái Bình (PAN)	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ tịch Hội đồng quản trị của PAN, Phó Tổng Giám đốc Công ty PAN là Trưởng Ban Kiểm soát của SSI

Các khoản phải thu:

Công ty liên quan	Số đầu quý Phải thu	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý Phải thu
Quỹ đầu tư thành viên				
Góp vốn đầu tư	312.000.000.000	-	-	312.000.000.000
Công ty TNHH NDH Việt Nam				
Phí giao dịch chứng khoán	-	53.864.904	53.864.904	-
Phí ứng trước tiền bán chứng khoán	-	23.591.017	23.591.017	-
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời				
Góp vốn đầu tư	14.999.990.000	-	-	14.999.990.000
Phí giao dịch chứng khoán	-	27.765.068	27.765.068	-
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	227.000.000.000	270.000.000.000	70.000.000.000	427.000.000.000
Lãi đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	-	17.656.249.999	17.656.249.999	-
Cty CP Xuyên Thái Bình				
Phí hợp đồng tư vấn	480.000.000	369.700.000	849.700.000	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI				
Góp vốn đầu tư	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Phí giao dịch chứng khoán	-	383.018.218	383.018.218	-
Ủy thác danh mục đầu tư	1.663.026.503.469	35.000.000.000	41.000.000.000	1.657.026.503.469
Ngân Hàng ANZ				
Tiền gửi của nhà đầu tư	75.604.333	16.500	10.016.500	65.604.333

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**Các khoản phải trả:**

Công ty liên quan	Số đầu quý Phải trả	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý Phải trả
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời				
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	-	260.722.208.333	232.522.208.333	28.200.000.000
Lãi tiền đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	-	22.208.333	22.208.333	-
Tiền thuê mặt bằng	-	3.640.692.916	3.640.692.916	-
Công ty TNHH Tư Vấn và đầu tư NDH Việt Nam				
Nhận cọc môi giới chứng khoán	580.848.734	5.733.657	586.582.391	-
Lãi nhận cọc môi giới chứng khoán	2.589.939	5.941.203	8.531.142	-
Công ty CP Xuyên Thái Bình				
Ứng mua chứng khoán	50.100.000.000	-	-	50.100.000.000
Ứng trước hợp đồng tư vấn	-	30.000.000	-	30.000.000
Chi phí thuê kho và dịch vụ	150.251.277	194.718.876	344.970.153	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI				
Phí quản lý danh mục	1.658.160.256	5.085.255.229	5.072.790.727	1.670.624.758
Công ty TNHH NDH Việt Nam				
Trả cổ tức bằng tiền	-	28.705.036.000	28.705.036.000	-
Ngân Hàng ANZ				
Trả cổ tức bằng tiền	-	61.934.420.000	61.934.420.000	-
Daiwa Securities Group Inc				
Trả cổ tức bằng tiền	-	35.471.420.000	35.471.420.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác :

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong Quý 3/2013 là 2.649.939.008 đồng (bao gồm cả thuế Thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

25. Thuyết minh bổ sung

Tại ngày 30.09.2013, tỷ lệ sở hữu (biểu quyết) của phần tự doanh công ty và phần ủy thác tại công ty con SSIAM trên số lượng cổ phiếu lưu hành của các mã cổ phiếu như sau:

Số TT	Mã cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (biểu quyết)
1	BBC	19.98%
2	GIL	19.98%
3	HVG	19.94%
4	LAF	19.92%
5	NSC	19.73%
6	PAN	19.12%
7	TMS	19.98%
8	VFG (*)	20.04%
9	SSC	19.83%
10	ELC	19.98%

(*) Tỷ lệ sở hữu VFG tăng từ 19.94% ngày 25 tháng 9 năm 2013 lên 20.04% kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2013 do công ty VFG tăng số lượng cổ phiếu quỹ từ 51.610 lên 74.110. Trong quý 4/2013, Công ty sẽ bán ra tương ứng với tỷ lệ với số lượng cổ phiếu quỹ đã được mua để duy trì tỷ lệ dưới 20% theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận trước thuế Quý 3/2013 của Công ty là 62.890.855.768 đồng, trong đó đã có 51.377.109.597 đồng là chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán của ELC, GIL, LAF và đã có 11.552.825.000 đồng là cổ tức nhận được trong kỳ của VFG, NSC, SSC. Các khoản chi phí dự phòng và cổ tức này sẽ không được tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất quý 3/2013 do các công ty này là các công ty liên kết trong báo cáo tài chính hợp nhất của SSI. Kết quả hoạt động kinh doanh quý 3/2013 của các công ty liên kết này sẽ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất quý 3/2013 của Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

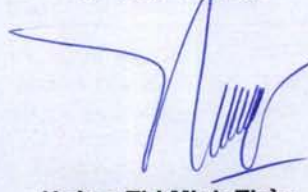
TPHCM, ngày 18 tháng 10 năm 2013

Người Lập Biểu



Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy

Phó Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

